

Số: 83/DAG - QHCEĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh,

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

- Mã chứng khoán: DAG

- Địa chỉ: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 3734 2888

Fax: 024 3793 8942

- E-mail: cbtt@dag.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính Riêng năm 2023 đã kiểm toán;
- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán;
- Công văn Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm 2022;

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/07/2024 tại đường dẫn <https://www.dag.com.vn/danh-muc-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Đường Ngọc Diệu

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 84/DAG-QHCĐ
V/v: Giải trình chênh lệch BCTC
riêng và hợp nhất năm 2023 so với
năm 2022, trước kiểm toán và sau
kiểm toán

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh,

Tên công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Mã chứng khoán: DAG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô I-CN5-Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Người đại diện: Ông Đường Ngọc Diệu

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% với cùng kỳ năm trước

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2023 lập ngày 22/07/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 22/07/2024;

Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (DAG) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

I. Năm 2023 so với năm 2022

1.1 Báo cáo tài chính riêng:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2022 | Tỷ lệ +/-% |
|-----|----------------------------------|------------------|-----------------|------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 415.688.094.971 | 546.990.176.996 | -24% |
| 2 | Chi phí giá vốn hàng bán | 464.794.948.895 | 508.613.869.691 | -8,62% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 25.550.534.854 | 6.616.908.965 | 286,14% |
| 4 | Chi phí bán hàng | 3.908.040.871 | 3.294.644.438 | 18,62% |
| 5 | Chi phí QLDN | 12.787.745.470 | 13.268.059.704 | -3,62% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -581.991.061.080 | 6.623.515.167 | -8.886,74% |

Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính riêng năm 2023 giảm so với năm 2022 (-8.886,74%) tương đương -588.614.576.247 VNĐ; chủ yếu do 2023 tình hình kinh tế khó khăn, thị trường sản phẩm nhựa của công ty ngày càng thu hẹp, hàng Trung Quốc nhiều nên cạnh tranh cao. Hàng chậm luân chuyển nên tỷ lệ trích lập dự phòng hàng tồn kho và gửi bán tăng cao (tối đa 45% nguyên giá), bên cạnh đó công ty bị cường chế hóa đơn dẫn đến tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn hơn.



1.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2022 | Tỷ lệ +/- % |
|-----|----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 1.215.493.877.033 | 2.272.739.383.853 | -46,52% |
| 2 | Chi phí giá vốn hàng bán | 1.587.437.129.656 | 2.242.994.029.218 | -29,23% |
| 3 | Chi phí tài chính | 11.876.649.528 | 10.239.964.608 | +15,98% |
| 4 | Chi phí bán hàng | 9.882.660.208 | 9.280.858.487 | +6,48% |
| 5 | Chi phí QLDN | 148.195.232.749 | 28.971.816.932 | +411,52% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -606.750.019.985 | 7.389.285.953 | -8.311,21% |

Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 giảm đáng kể so với năm 2022 (-8.311,21%) tương đương -614.139.305.938đ: do Năm 2023 Doanh thu sụt giảm đáng kể do ảnh hưởng của thị trường chung và thị trường ngành nhựa nói riêng. Khoản phải thu nước ngoài của công ty con lớn, trích lập dự phòng phải thu khách hàng theo tuổi nợ, tăng tỷ lệ trích lập dự phòng hàng tồn kho và hàng gửi bán tương ứng 45% nguyên giá trị hàng hóa để có phương án bán thanh lý hàng tồn kho thu hồi vốn để doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, các ngân hàng đã hạn chế tín dụng, dẫn đến công ty rất khó khăn trong việc xoay vòng vốn ngắn hạn để phục vụ các hoạt động kinh doanh của tập đoàn.

Tập đoàn đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp để tìm hướng đi mới, phát triển hơn trong tương lai, do đó đã cắt giảm tối đa các chi phí khác, đảm bảo tính giản và hiệu quả phù hợp với mục tiêu và mô hình công ty hướng tới.

II. Trước kiểm toán và sau kiểm toán

2.1 Báo cáo tài chính riêng:

| STT | Chỉ tiêu | Sau kiểm toán | Trước kiểm toán | Tỷ lệ +/- % |
|-----|----------------------------------|------------------|------------------|-------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 415.688.094.971 | 416.763.680.823 | -0,26% |
| 2 | Chi phí giá vốn hàng bán | 464.794.948.895 | 399.510.079.523 | +16,34% |
| 3 | Doanh thu tài chính | 25.550.534.854 | 7.118.568.212 | +258,93% |
| 4 | Chi phí bán hàng | 3.908.040.871 | 2.139.775.798 | +82,64% |
| 5 | Chi phí QLDN | 12.787.745.470 | 12.287.602.974 | +4,07% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -581.991.061.080 | -147.396.275.592 | -294,85% |

Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính riêng năm 2023 sau kiểm toán giảm -294,85% tương đương -434.594.785.488 VNĐ: chủ yếu do 2023 sau kiểm toán tăng khoản trích lập dự phòng hàng gửi bán và hàng tồn kho (khoảng 65 tỷ) và tăng trích lập đầu tư vào các công ty con do lỗ kinh doanh năm 2023 (khoảng 518 tỷ).



2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu | Sau kiểm toán | Trước kiểm toán | Tỷ lệ +/-% |
|-----|----------------------------------|-------------------|-------------------|------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 1.215.493.877.033 | 1.203.626.258.760 | +0,99% |
| 2 | Chi phí giá vốn hàng bán | 1.587.437.129.656 | 1.268.563.327.503 | +25,14% |
| 3 | Chi phí tài chính | 11.876.649.528 | 11.120.821.822 | +6,8% |
| 4 | Chi phí bán hàng | 9.882.660.208 | 8.630.006.224 | +14,52% |
| 5 | Chi phí QLDN | 148.195.232.749 | 114.280.728.102 | +29,68% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | -606.750.019.985 | -257.209.566.914 | -135,9% |

Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 trước kiểm toán tăng 135,9% tương đương 349.540.453.071đ; do tăng khoản trích lập dự phòng hàng gửi bán và hàng tồn kho do hàng chậm luân chuyển và 2 công ty chiếm tỷ trọng doanh thu lớn trong tập đoàn bị cưỡng chế hóa đơn. Khoản phải thu nước ngoài của công ty con lớn, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khách hàng theo tuổi nợ và đúng theo quy định.

Trên đây là Giải trình của DAG báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐƯƠNG NGỌC DIỆU

C.T.C.P
NỘI